

Số 4396-QĐ/HVBCTT-ĐT

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ  
ngành Truyền thông đa phương tiện**

-----

Căn cứ Quyết định số 9019-QĐ/HVCTQG ngày 29/4/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1111-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 4982, 4983-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26/10/2018 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ngành Truyền thông đa phương tiện, chuyên ngành Phát triển và ứng dụng Truyền thông đa phương tiện, chuyên ngành Sản phẩm Truyền thông đa phương tiện;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý Đào tạo và Viện trưởng Viện Báo chí,

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học cấp bằng đại học thứ nhất ngành Truyền thông đa phương tiện.

**Điều 2.** Chương trình được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm học 2022 - 2023.

**Điều 3.** Trưởng ban Quản lý Đào tạo, Viện trưởng Viện Báo chí và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Học viện CTQG HCM,
- Hội đồng trường,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Như điều 3,
- Lưu VT, ĐT.



**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Minh Sơn**



МОСКОВСКИЙ  
ГОРОД

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
HỒ CHÍ MINH  
**HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN**  
(Ban hành theo Quyết định số 4396 ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

-----

**1. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

Tên chương trình bằng tiếng Việt: **Truyền thông đa phương tiện**

Tên chương trình đào tạo bằng tiếng Anh: **Multimedia**

Mã ngành: **7320104**

Tên văn bằng: **Cử nhân Truyền thông đa phương tiện**

Đơn vị cấp bằng: **Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Hình thức đào tạo: **Chính quy tập trung**

Thời gian đào tạo: 4 năm

Số tín chỉ toàn khóa: 130

Đơn vị quản lý: Viện Báo chí

Website:

Ngày ban hành:

**2. Mục tiêu đào tạo**

**2.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân ngành Truyền thông đa phương tiện hiểu, vận dụng quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống lành mạnh; có khả năng sáng tạo và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện; hiểu và ứng dụng lý thuyết, kỹ năng truyền thông đa phương tiện trong truyền thông xã hội, quản trị website, tổ chức thực

hiện các chương trình, chiến dịch truyền thông, các dự án phát triển truyền thông đa phương tiện ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ.

## **2.2. Mục tiêu cụ thể**

### **\* Về kiến thức:**

- PO1: Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam liên quan đến ngành học, về quốc phòng an ninh; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;
- PO2: Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng;
- PO3: Có kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn truyền thông đa phương tiện của Việt Nam và thế giới;
- PO4: Có kiến thức chuyên sâu về quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện;
- PO5: Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện.

### **\* Về kỹ năng:**

#### **\* Kỹ năng cứng**

- PO6: Kỹ năng sáng tạo nội dung truyền thông đa phương tiện: Kỹ năng nhận diện, phân tích và đánh giá tiêu chuẩn sản phẩm, các dòng sản phẩm truyền thông đa phương tiện trên cơ sở các tiêu chí được học; Kỹ năng thực hành, sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông đa phương tiện: xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản truyền thông, thiết kế thông điệp và hình ảnh, thiết kế ứng dụng, chụp ảnh, quay phim, dựng phim, biên tập tác phẩm và sản phẩm truyền thông đa phương tiện...

- PO7: Kỹ năng tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện: Kỹ năng thực hiện, tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông như nhiếp ảnh, phim ngắn, video âm nhạc, các loại hình truyền thông mới như megastory, đồ họa 2D, 3D, animations và các kỹ thuật truyền thông số; Kỹ năng điều hành hoạt động sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện trong doanh nghiệp truyền thông và cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác, khách hàng của doanh nghiệp truyền thông.

#### **\* Kỹ năng mềm:**

- PO8: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm;
- PO9: Có kỹ năng tổng hợp, phân tích, xử lý tình huống, quản lý và lãnh đạo trong hoạt động truyền thông;
- PO10: Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.

**\* Mức độ tự chủ và trách nhiệm:**

- PO11: Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.
- PO12: Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành truyền thông.
- PO13: Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.
- PO14: Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.
- PO15: Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

**2.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp**

Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

- *Tại các cơ quan báo chí - truyền thông:* có thể làm ở các bộ phận sáng tạo nội dung, sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển sản phẩm, dự án truyền thông đa phương tiện. Người được đào tạo ngành truyền thông đa phương tiện có đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết để khởi nghiệp trong ngành báo chí truyền - thông.

- *Các cơ quan ứng dụng, cơ quan quản lý và tổ chức truyền thông đa phương tiện, các tổ chức, doanh nghiệp là đối tác và khách hàng của doanh nghiệp truyền thông đa phương tiện:* bộ phận xây dựng kế hoạch, thiết kế, quảng cáo, tiếp thị, kinh doanh, phát hành...; nghiên cứu và phát triển, quản lý hình ảnh và thương hiệu, nhân viên quản lý các dự án truyền thông...

- *Tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng liên quan đến truyền thông đa phương tiện.*

**\* Các vị trí công việc có thể đảm nhiệm**

+ *Chuyên viên sáng tạo nội dung truyền thông đa phương tiện:* copywriter, viết kịch bản truyền thông, chụp ảnh, quay phim, dựng phim, thiết kế các loại hình sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

+ *Chuyên viên tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện:* tổ chức sản xuất các dòng sản phẩm truyền thông đa phương tiện: bao gồm cả các dòng sản phẩm truyền thông truyền thống và sản phẩm truyền thông đa nền tảng như: gói nhận diện thương hiệu, các sản phẩm truyền thông nội bộ và quảng bá, video, làm tại studio ...

+ *Chuyên viên phát triển và ứng dụng sản phẩm truyền thông đa phương tiện*: nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các kênh truyền thông đa phương tiện, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh và phát triển các dự án bản quyền format sản phẩm truyền thông đa phương tiện, kinh doanh marketing, quản lý hình ảnh; quản trị thương hiệu, quản trị danh tiếng, quản trị khủng hoảng cho cơ quan, tổ chức và cá nhân; phụ trách dự án hợp tác, liên kết truyền thông...

- Ngoài ra, người học sau tốt nghiệp có thể là nguồn đào tạo cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực truyền thông đa phương tiện tại các cơ quan nghiên cứu và các cơ sở đào tạo.

#### **2.4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường**

- Nếu có kết quả tốt nghiệp đạt loại khá trở lên có thể tham gia tuyển sinh đào tạo thạc sĩ các ngành về báo chí - truyền thông.
- Nếu có bằng thạc sĩ có thể tham gia xét tuyển đào tạo tiến sĩ các ngành về báo chí - truyền thông.

### **3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)**

#### **3.1. Kiến thức**

##### *- Kiến thức đại cương*

**PLO1:** Hiểu và vận dụng được các nguyên lý cơ bản và thể giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng vào xem xét, giải thích, đánh giá hiện thực cách mạng Việt Nam và thế giới.

**PLO2:** Vận dụng được các tri thức về khoa học chính trị, khoa học liên ngành (chính trị học, văn hóa học, đạo đức học, xã hội học...); về thế giới trong quá khứ và hiện đại, về văn hóa, con người Việt Nam trong quá trình nhận thức và tiến hành hoạt động truyền thông.

**PLO3:** Vận dụng được các quy luật tâm lý con người, các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, phương pháp xã hội học để điều tra, khảo sát, phân loại và lựa chọn các biện pháp tác động đến đối tượng của hoạt động truyền thông và quản lý hoạt động truyền thông.

**PLO4:** Vận dụng được các lý thuyết về ngôn ngữ tiếng Việt, tiếng nước ngoài và tin học trong quá trình nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm cũng như tác nghiệp các hoạt động truyền thông và quản lý các lĩnh vực truyền thông.

##### *- Kiến thức cơ sở ngành*

**PLO5:** Vận dụng được những các lý thuyết, mô hình truyền thông, quản trị truyền thông, công chúng truyền thông, các loại hình truyền thông đại chúng, pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông, tạo nền tảng kiến thức sâu rộng và tiền đề cần thiết để ứng dụng vào

ngành học cũng như thực tiễn truyền thông đa phương tiện.

**PLO6:** Kết nối được các tri thức liên ngành thuộc các lĩnh vực khác nhau phục vụ quá trình quản lý và tác nghiệp các hoạt động truyền thông đa phương tiện.

- *Kiến thức ngành*

**PLO7:** Xác định được các đối tượng cơ bản của truyền thông đa phương tiện.

**PLO8:** Phân tích được các nguyên tắc, tiêu chuẩn kỹ thuật và công nghệ nhiếp ảnh, đồ họa, audio, video, web ứng dụng... trong thiết kế, sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

**PLO9:** Vận dụng được các quy trình lập kế hoạch và sáng tạo nội dung các sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

**PLO10:** Vận dụng được quy trình và phương pháp tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện theo từng lĩnh vực.

**PLO11:** Phân tích được các vấn đề trong tổ chức hoạt động doanh nghiệp truyền thông.

**PLO12:** Áp dụng được các lý thuyết vào ứng dụng và phát triển các dự án truyền thông đa phương tiện.

**PLO13:** Vận dụng được các quy trình lập kế hoạch và tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện như phim ngắn, chương trình thực tế, siêu phẩm số...

**PLO14:** Hiểu và vận dụng được các quan điểm, nguyên tắc, phương thức lãnh đạo, phương pháp quản lý các lĩnh vực thuộc truyền thông đa phương tiện.

**PLO15:** Hiểu và vận dụng sáng tạo các nguyên tắc, đặc điểm và quy trình tổ và an toàn thông tin, xử lý tình huống khủng hoảng, vấn đề bản quyền và sở hữu trí tuệ.

### **3.2. Kỹ năng**

- *Kỹ năng chung*

**PLO16:** Kỹ năng phân tích có phản biện thông tin và dữ liệu: Khả năng sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh đối chiếu thông tin, đưa ra nhận định và kết luận.

**PLO17:** Kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo: Khả năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án lựa chọn để xử lý các vấn đề.

**PLO18:** Thành thực phương pháp tư duy tổng hợp, tư duy logic trong sử dụng thông tin, trình bày thông tin dưới dạng nói và viết một cách khoa học, sáng tạo.

- *Kỹ năng chuyên biệt của ngành*

**PLO19:** Kỹ năng thâm nhập thực tế, thu thập và xử lý thông tin phục vụ quá trình hoạt động truyền thông tại các cơ quan báo chí/doanh nghiệp truyền thông/ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác của doanh nghiệp truyền thông.

**PLO20:** Kỹ năng sáng tạo nội dung và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện phù hợp với thị trường truyền thông.

**PLO21:** Kỹ năng sáng tạo trong sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong trình bày và sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

**PLO22:** Kỹ năng vận dụng các kiến thức đánh giá chất lượng, hiệu quả trong thực hiện sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

### 3.3. *Mức tự chủ và trách nhiệm*

- **PLO23:** Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

- **PLO24:** Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành truyền thông.

- **PLO25:** Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

- **PLO26:** Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

- **PLO27:** Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

### 3.4. *Trình độ Ngoại ngữ, Tin học*

- Trình độ Ngoại ngữ: Người học khi tốt nghiệp phải đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Trình độ Tin học: Người học khi tốt nghiệp phải có chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

### 4. *Ma trận liên kết giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và Khung trình độ quốc gia*

| Mục tiêu đào tạo \ PLOs | Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|-------------------------|----------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
|                         | 1                                            | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 |

[illegible]

## 5. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Đối tượng tuyển sinh, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh: thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện.

## 6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp thực hiện theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

## 7. Sơ đồ cây chương trình đào tạo



## 8. Nội dung chương trình

### 8.1. Các khối kiến thức (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng)

|                                                      |           |
|------------------------------------------------------|-----------|
| <b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>             | <b>44</b> |
| - Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh       | 11        |
| - Khoa học xã hội và nhân văn                        | 15        |
| <i>Bắt buộc:</i>                                     | 9         |
| <i>Tự chọn:</i>                                      | 6/18      |
| - Tin học                                            | 3         |
| - Ngoại ngữ                                          | 15/30     |
| <b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>         | <b>86</b> |
| - Kiến thức cơ sở ngành                              | 18        |
| <i>Bắt buộc:</i>                                     | 12        |
| <i>Tự chọn:</i>                                      | 6/18      |
| - Kiến thức ngành                                    | 57        |
| <i>Bắt buộc:</i>                                     | 48        |
| Thực tập nghiệp vụ, thực tập tốt nghiệp              | 8         |
| Khóa luận/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp | 6         |
| <i>Tự chọn:</i>                                      | 9/30      |
| - Kiến thức bổ trợ                                   | 11        |
| <i>Bắt buộc:</i>                                     | 5         |
| <i>Tự chọn:</i>                                      | 6/12      |

### 8.2. Nội dung chi tiết

[illegible]

|                                                         |                |                                                    |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|---------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| <b>41. Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh</b> |                | <b>11</b>                                          |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 1                                                       | <b>TM01012</b> | Triết học Mác-Lênin                                | 3 | 15 | 15 | 15 | 10 | 5  | 20 | 0  | 10 | 45 |
| 2                                                       | <b>KT01001</b> | Kinh tế chính trị Mác – Lênin                      | 2 | 20 | 5  | 5  | 20 | 0  | 10 | 0  | 0  | 15 |
| 3                                                       | <b>CN01002</b> | Chủ nghĩa xã hội khoa học                          | 2 | 20 | 5  | 5  | 10 | 10 | 5  | 0  | 5  | 15 |
| 4                                                       | <b>LS01001</b> | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                     | 2 | 20 | 5  | 5  | 10 | 10 | 10 | 0  | 0  | 15 |
| 5                                                       | <b>TH01001</b> | Tư tưởng Hồ Chí Minh                               | 2 | 20 | 5  | 5  | 20 | 0  | 5  | 0  | 5  | 15 |
| <b>42. Khoa học xã hội và nhân văn</b>                  |                | <b>15</b>                                          |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| <b>Bắt buộc</b>                                         |                | <b>9</b>                                           |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 6                                                       | <b>NP01001</b> | Pháp luật đại cương                                | 3 | 25 | 10 | 10 | 20 | 5  | 15 | 0  | 5  | 30 |
| 7                                                       | <b>CT01001</b> | Chính trị học                                      | 2 | 20 | 5  | 5  | 15 | 5  | 5  | 0  | 5  | 15 |
| 8                                                       | <b>XD01001</b> | Xây dựng Đảng                                      | 2 | 20 | 5  | 5  | 15 | 5  | 10 | 0  | 0  | 15 |
| 9                                                       | <b>TG01004</b> | Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn | 2 | 15 | 15 | 0  | 5  | 10 | 30 | 0  | 0  | 0  |
| <b>Tự chọn</b>                                          |                | <b>6/18</b>                                        |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 10                                                      | <b>XH01001</b> | Xã hội học đại cương                               | 2 | 20 | 5  | 5  | 15 | 5  | 5  | 0  | 5  | 15 |
| 11                                                      | <b>QT02552</b> | Địa chính trị thế giới                             | 2 | 20 | 5  | 5  | 20 | 0  | 5  | 0  | 5  | 15 |
| 12                                                      | <b>XB01101</b> | Tiếng Việt thực hành                               | 2 | 20 | 5  | 5  | 20 | 0  | 10 | 0  | 0  | 15 |
| 13                                                      | <b>KT01006</b> | Kinh tế học đại cương                              | 2 | 20 | 5  | 5  | 20 | 0  | 5  | 0  | 5  | 15 |
| 14                                                      | <b>TT01002</b> | Cơ sở văn hóa Việt Nam                             | 2 | 20 | 5  | 5  | 20 | 0  | 10 | 0  | 0  | 15 |
| 15                                                      | <b>ĐC01006</b> | Ngôn ngữ học đại cương                             | 2 | 20 | 5  | 5  | 20 | 0  | 10 | 0  | 0  | 15 |
| 16                                                      | <b>TG01007</b> | Tâm lý học xã hội                                  | 2 | 20 | 5  | 5  | 15 | 5  | 10 | 0  | 0  | 15 |
| 17                                                      | <b>QT01001</b> | Quan hệ quốc tế đại cương                          | 2 | 20 | 5  | 5  | 20 | 0  | 5  | 0  | 5  | 15 |
| 18                                                      | <b>ĐC01004</b> | Lý luận văn học                                    | 2 | 20 | 5  | 5  | 20 | 10 | 15 | 0  | 0  | 0  |
| <b>43. Toán và khoa học tự nhiên</b>                    |                | <b>3</b>                                           |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 19                                                      | <b>ĐC01005</b> | Tin học ứng dụng                                   | 3 | 5  | 20 | 20 | 5  | 0  | 0  | 40 | 0  | 60 |
| <b>44. Ngoại ngữ</b>                                    |                | <b>15/30</b>                                       |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 20                                                      | <b>NN01015</b> | Tiếng Anh học phần 1                               | 4 | 25 | 25 | 10 | 20 | 5  | 30 | 0  | 20 | 30 |
| 21                                                      | <b>NN01016</b> | Tiếng Anh học phần 2                               | 4 | 25 | 25 | 10 | 20 | 5  | 30 | 0  | 20 | 30 |
| 22                                                      | <b>NN01017</b> | Tiếng Anh học phần 3                               | 4 | 25 | 25 | 10 | 20 | 5  | 30 | 0  | 20 | 30 |

|                                                 |         |                                                      |             |    |    |    |    |    |    |   |    |    |
|-------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------|-------------|----|----|----|----|----|----|---|----|----|
| 23                                              | NN01023 | Tiếng Anh học phần 4                                 | 3           | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 25 | 0 | 15 | 15 |
| 24                                              | NN01019 | Tiếng Trung học phần 1                               | 4           | 25 | 25 | 10 | 20 | 5  | 30 | 0 | 20 | 30 |
| 25                                              | NN01020 | Tiếng Trung học phần 2                               | 4           | 25 | 25 | 10 | 20 | 5  | 30 | 0 | 20 | 30 |
| 26                                              | NN01021 | Tiếng Trung học phần 3                               | 4           | 25 | 25 | 10 | 20 | 5  | 30 | 0 | 20 | 30 |
| 27                                              | NN01024 | Tiếng Trung học phần 4                               | 3           | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 25 | 0 | 15 | 15 |
| <b>B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b> |         |                                                      | <b>86</b>   |    |    |    |    |    |    |   |    |    |
| <b>B1. Kiến thức cơ sở ngành</b>                |         |                                                      | <b>18</b>   |    |    |    |    |    |    |   |    |    |
| <i>Bắt buộc</i>                                 |         |                                                      | <i>12</i>   |    |    |    |    |    |    |   |    |    |
| 28                                              | BC02801 | Lý thuyết truyền thông                               | 3           | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |
| 29                                              | PT02306 | Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông          | 3           | 20 | 20 | 5  | 10 | 10 | 20 | 0 | 20 | 15 |
| 30                                              | BC02115 | Công chúng báo chí - truyền thông                    | 3           | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |
| 31                                              | QQ02101 | Quan hệ công chúng và quảng cáo                      | 3           | 15 | 15 | 15 | 10 | 5  | 15 | 0 | 15 | 45 |
| <i>Tự chọn</i>                                  |         |                                                      | <i>6/18</i> |    |    |    |    |    |    |   |    |    |
| 32                                              | BC02104 | Quản trị báo chí - truyền thông                      | 3           | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |
| 33                                              | BC02803 | Tâm lý học báo chí – truyền thông                    | 3           | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |
| 34                                              | BC02905 | Truyền thông sáng tạo                                | 3           | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |
| 35                                              | PT02807 | Truyền thông xã hội và mạng xã hội                   | 3           | 20 | 20 | 5  | 10 | 10 | 20 | 0 | 20 | 15 |
| 36                                              | QT03629 | Hệ thống thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế | 3           | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |
| 37                                              | BC02602 | Mỹ thuật                                             | 3           | 15 | 30 | 0  | 10 | 5  | 30 | 0 | 30 | 0  |
| <b>B2. Kiến thức ngành</b>                      |         |                                                      | <b>41</b>   |    |    |    |    |    |    |   |    |    |
| <i>Bắt buộc</i>                                 |         |                                                      | <i>32</i>   |    |    |    |    |    |    |   |    |    |
| 38                                              | BC02701 | Nhập môn Truyền thông đa phương tiện                 | 3           | 15 | 30 | 0  | 15 | 0  | 15 | 0 | 45 | 0  |
| 39                                              | BC03710 | Nhiếp ảnh                                            | 3           | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |
| 40                                              | BC02601 | Thiết kế web và ứng dụng                             | 4           | 20 | 35 | 5  | 15 | 5  | 0  | 0 | 70 | 15 |
| 41                                              | BC02603 | Thiết kế đồ họa                                      | 3           | 15 | 30 | 0  | 10 | 5  | 30 | 0 | 30 | 0  |
| 42                                              | BC02604 | Viết cho truyền thông đa phương tiện                 | 3           | 15 | 30 | 0  | 10 | 5  | 30 | 0 | 30 | 0  |

|                      |         |                                                    |      |    |    |    |    |    |    |   |    |    |
|----------------------|---------|----------------------------------------------------|------|----|----|----|----|----|----|---|----|----|
| 43                   | PT02601 | Sản xuất Audio                                     | 3    | 15 | 30 | 0  | 10 | 5  | 30 | 0 | 30 | 0  |
| 44                   | PT02602 | Sản xuất Video                                     | 3    | 15 | 30 | 0  | 10 | 5  | 30 | 0 | 30 | 0  |
| 45                   | BC03701 | Animation (Hoạt hình)                              | 3    | 20 | 20 | 5  | 10 | 10 | 20 | 0 | 20 | 15 |
| 46                   | BC03703 | Video âm nhạc (MV)                                 | 3    | 15 | 30 | 0  | 10 | 5  | 30 | 0 | 30 | 0  |
| 47                   | BC04812 | Báo chí và truyền thông dữ liệu                    | 3    | 15 | 30 | 0  | 10 | 5  | 30 | 0 | 30 | 0  |
| Tự chọn              |         |                                                    | 9/30 |    |    |    |    |    |    |   |    |    |
| 48                   | BC02605 | Truyền thông chính sách                            | 3    | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |
| 49                   | QQ02642 | Truyền thông doanh nghiệp                          | 3    | 15 | 15 | 15 | 10 | 5  | 15 | 0 | 15 | 45 |
| 50                   | BC02607 | Truyền thông về giáo dục, khoa học và công nghệ    | 3    | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |
| 51                   | BC02608 | Truyền thông văn hóa - nghệ thuật                  | 3    | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |
| 52                   | PT03706 | Phim ngắn                                          | 3    | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |
| 53                   | PT03928 | Chương trình thực tế                               | 3    | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |
| 54                   | XB03929 | Xuất bản điện tử                                   | 3    | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |
| 55                   | PT03927 | Kịch bản và format trò chơi trực tuyến             | 3    | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |
| 56                   | PT03702 | Siêu phẩm số (mega-story)                          | 3    | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |
| 57                   | BC03918 | Báo chí - truyền thông đa nền tảng                 | 3    | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |
| B3. Kiến thức hỗ trợ |         |                                                    | 11   |    |    |    |    |    |    |   |    |    |
| Bắt buộc             |         |                                                    | 8    |    |    |    |    |    |    |   |    |    |
| 58                   | BC02609 | Tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện | 5    | 30 | 40 | 5  | 20 | 10 | 20 | 0 | 60 | 15 |
| 59                   | BC02611 | Quản trị - kinh doanh sản phẩm truyền thông số     | 3    | 15 | 30 | 0  | 10 | 5  | 15 | 5 | 40 | 0  |
| Tự chọn              |         |                                                    | 3/12 |    |    |    |    |    |    |   |    |    |
| 60                   | BC03804 | Lao động nhà báo                                   | 3    | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |
| 61                   | BC02610 | Bản quyền và sở hữu trí tuệ                        | 3    | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |
| 62                   | BC02614 | Quản trị truyền thông trong khủng hoảng            | 3    | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |
| 63                   | BC02612 | Tổ chức và an toàn thông tin                       | 3    | 20 | 20 | 5  | 15 | 5  | 15 | 0 | 25 | 15 |

|                                           |                |                                          |           |    |    |    |    |   |    |   |     |    |
|-------------------------------------------|----------------|------------------------------------------|-----------|----|----|----|----|---|----|---|-----|----|
| <b>B4. Thực tế, thực tập và khóa luận</b> |                |                                          | <b>16</b> |    |    |    |    |   |    |   |     |    |
| 64                                        | <b>BC02952</b> | Thực tế chính trị - xã hội               | 2         | 15 | 15 | 0  | 15 | 0 | 15 | 0 | 15  | 0  |
| 65                                        | <b>BC03643</b> | Thực tập nghiệp vụ                       | 4         | 5  | 50 | 5  | 5  | 0 | 0  | 0 | 100 | 15 |
| 66                                        | <b>BC03644</b> | Thực tập tốt nghiệp                      | 4         | 5  | 50 | 5  | 5  | 0 | 0  | 0 | 100 | 15 |
| 67                                        | <b>BC04943</b> | Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp | 6         | 10 | 65 | 15 | 10 | 0 | 0  | 0 | 130 | 45 |
| <b>Học phân thay thế khóa luận</b>        |                |                                          | <b>6</b>  |    |    |    |    |   |    |   |     |    |
| 68                                        | <b>BC03704</b> | Nghiên cứu thị trường truyền thông       | 3         | 15 | 30 | 0  | 10 | 5 | 15 | 5 | 40  | 0  |
| 69                                        | <b>BC03705</b> | Biên tập sản phẩm đa phương tiện         | 3         | 15 | 30 | 0  | 10 | 5 | 15 | 5 | 40  | 0  |

### 9. Ma trận liên kết giữa các học phần với PLO của CTĐT

| TT | Tên học phần                   | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|----|--------------------------------|------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
|    |                                | 1                                        | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 |
| 1  | Triết học Mác-Lênin            | x                                        |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 2  | Kinh tế chính trị Mác - Lênin  | x                                        |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 3  | Chủ nghĩa xã hội khoa học      | x                                        |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 4  | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | x                                        |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 5  | Tư tưởng Hồ Chí Minh           | x                                        |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 6  | Pháp luật đại cương            |                                          | x |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 7  | Chính trị học                  |                                          | x |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 8  | Xây dựng Đảng                  |                                          | x |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 9  | Phương pháp                    |                                          |   | x |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |

| TT | Tên học phần                          | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|----|---------------------------------------|------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
|    |                                       | 1                                        | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 |
|    | ngiên cứu khoa học xã hội và nhân văn |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 10 | Xã hội học đại cương                  |                                          |   | x |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 11 | Địa chính trị thế giới                |                                          |   | x |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 12 | Tiếng Việt thực hành                  |                                          |   |   | x |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 13 | Kinh tế học đại cương                 |                                          |   | x |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 14 | Cơ sở văn hóa Việt Nam                |                                          |   | x |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 15 | Ngôn ngữ học đại cương                |                                          |   | x |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 16 | Tâm lý học xã hội                     |                                          |   | x |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 17 | Quan hệ quốc tế đại cương             |                                          |   | x |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 18 | Lý luận văn học                       |                                          |   | x |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 19 | Tin học ứng dụng                      |                                          |   |   | x |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 20 | Tiếng Anh học phần 1                  |                                          |   |   | x |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 21 | Tiếng Anh học phần 2                  |                                          |   |   | x |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 22 | Tiếng Anh học                         |                                          |   |   | x |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |

| TT | Tên học phần                                | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|----|---------------------------------------------|------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
|    |                                             | 1                                        | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 |
|    | phần 3                                      |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 23 | Tiếng Anh học phần 4                        |                                          |   |   | x |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 24 | Tiếng Trung học phần 1                      |                                          |   |   | x |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 25 | Tiếng Trung học phần 2                      |                                          |   |   | x |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 26 | Tiếng Trung học phần 3                      |                                          |   |   | x |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 27 | Tiếng Trung học phần 4                      |                                          |   |   | x |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 28 | Lý thuyết truyền thông                      |                                          |   |   |   | x | x |   |   |   |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 29 | Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông |                                          |   |   |   | x | x |   |   |   |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 30 | Công chúng báo chí - truyền thông           |                                          |   |   |   | x | x |   |   |   |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 31 | Quan hệ công chúng và quảng cáo             |                                          |   |   |   | x | x |   |   |   |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 32 | Quản trị báo chí - truyền thông             |                                          |   |   |   | x | x |   |   |   |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |
| 33 | Tâm lý học báo chí – truyền thông           |                                          |   |   |   | x | x |   |   |   |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |

[illegible]

| TT | Tên học phần                                    | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|----|-------------------------------------------------|------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
|    |                                                 | 1                                        | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 |
|    | truyền thông dữ liệu                            |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 48 | Truyền thông chính sách                         |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   | x  |    |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 49 | Truyền thông doanh nghiệp                       |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   | x  |    |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 50 | Truyền thông về giáo dục, khoa học và công nghệ |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   | x  |    |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 51 | Truyền thông văn hóa - nghệ thuật               |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   | x  |    |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 52 | Phim ngắn                                       |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 53 | Chương trình thực tế                            |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 54 | Xuất bản điện tử                                |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 55 | Kịch bản và format trò chơi trực tuyến          |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 56 | Siêu phẩm số (mega-story)                       |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 57 | Báo chí - truyền thông đa nền tảng              |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 58 | Tiếng Anh chuyên ngành                          |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    | x  |    | x  | x  | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |

| TT | Tên học phần                                   | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|----|------------------------------------------------|------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
|    |                                                | 1                                        | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 |
|    | Truyền thông đa phương tiện                    |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 59 | Quản trị - kinh doanh sản phẩm truyền thông số |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    | x  |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 60 | Lao động nhà báo                               |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    | x  |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 61 | Tổ chức và an toàn thông tin                   |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 62 | Bản quyền và sở hữu trí tuệ                    |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 63 | Quản trị truyền thông trong khủng hoảng        |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 64 | Thực tế chính trị - xã hội                     | x                                        | x | x | x | x | x | x | x | x | x  |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  |    |    | x  | x  | x  | x  |
| 65 | Thực tập nghiệp vụ                             | x                                        | x | x | x | x | x | x | x | x | x  | x  | x  |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |    | x  | x  | x  | x  |
| 66 | Thực tập tốt nghiệp                            | x                                        | x | x | x | x | x | x | x | x | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 67 | Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp       | x                                        | x | x | x | x | x | x | x | x | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 68 | Nghiên cứu thị trường truyền thông             |                                          |   |   |   |   |   | x | x | x | x  | x  | x  |    |    | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |
| 69 | Biên tập sản                                   |                                          |   |   |   |   |   |   | x | x | x  | x  | x  | x  |    | x  |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |

| TT | Tên học phần        | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|----|---------------------|------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
|    |                     | 1                                        | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 |
|    | phẩm đa phương tiện |                                          |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |

### 10. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

| TT | Mã học phần | Tên học phần                                       | Học kỳ |   |   |   |   |   |   |   |
|----|-------------|----------------------------------------------------|--------|---|---|---|---|---|---|---|
|    |             |                                                    | 1      | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| 1  | TM01012     | Triết học Mác-Lênin                                |        | x |   |   |   |   |   |   |
| 2  | KT01011     | Kinh tế chính trị Mác – Lênin                      |        |   |   |   | x |   |   |   |
| 3  | CN01002     | Chủ nghĩa xã hội khoa học                          | x      |   |   |   |   |   |   |   |
| 4  | LS01002     | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                     |        |   |   |   |   | x |   |   |
| 5  | TH01001     | Tư tưởng Hồ Chí Minh                               |        |   | x |   |   |   |   |   |
| 6  | NP01001     | Pháp luật đại cương                                |        | x |   |   |   |   |   |   |
| 7  | CT01001     | Chính trị học                                      | x      |   |   |   |   |   |   |   |
| 8  | XD01001     | Xây dựng Đảng                                      |        |   |   |   | x |   |   |   |
| 9  | TG01004     | Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn |        |   |   |   |   | x |   |   |
| 10 | XH01001     | Xã hội học đại cương                               |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 11 | QT02552     | Địa chính trị thế giới                             |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 12 | ĐC01001     | Tiếng Việt thực hành                               |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 13 | KT01006     | Kinh tế học đại cương                              |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 14 | TT01002     | Cơ sở văn hóa Việt Nam                             |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 15 | ĐC01006     | Ngôn ngữ học đại cương                             |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 16 | TG01007     | Tâm lý học xã hội                                  |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 17 | QT01001     | Quan hệ quốc tế đại cương                          |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 18 | ĐC01004     | Lý luận văn học                                    |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 19 | ĐC01005     | Tin học ứng dụng                                   | x      |   |   |   |   |   |   |   |

| TT | Mã học phần | Tên học phần                                         | Học kỳ |   |   |   |   |   |   |   |
|----|-------------|------------------------------------------------------|--------|---|---|---|---|---|---|---|
|    |             |                                                      | 1      | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| 20 | NN01015     | Tiếng Anh học phần 1                                 | x      |   |   |   |   |   |   |   |
| 21 | NN01016     | Tiếng Anh học phần 2                                 |        | x |   |   |   |   |   |   |
| 22 | NN01017     | Tiếng Anh học phần 3                                 |        |   | x |   |   |   |   |   |
| 23 | NN01023     | Tiếng Anh học phần 4                                 |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 24 | NN01019     | Tiếng Trung học phần 1                               | x      |   |   |   |   |   |   |   |
| 25 | NN01020     | Tiếng Trung học phần 2                               |        | x |   |   |   |   |   |   |
| 26 | NN01021     | Tiếng Trung học phần 3                               |        |   | x |   |   |   |   |   |
| 27 | NN01024     | Tiếng Trung học phần 4                               |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 28 | BC02801     | Lý thuyết truyền thông                               | x      |   |   |   |   |   |   |   |
| 29 | PT02306     | Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông          |        |   | x |   |   |   |   |   |
| 30 | BC02115     | Công chúng báo chí - truyền thông                    |        | x |   |   |   |   |   |   |
| 31 | QQ02101     | Quan hệ công chúng và quảng cáo                      |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 32 | BC02104     | Quản trị báo chí - truyền thông                      |        |   | x |   |   |   |   |   |
| 33 | BC02803     | Tâm lý học báo chí – truyền thông                    |        |   | x |   |   |   |   |   |
| 34 | BC02905     | Truyền thông sáng tạo                                |        |   | x |   |   |   |   |   |
| 35 | PT02807     | Truyền thông xã hội và mạng xã hội                   |        |   | x |   |   |   |   |   |
| 36 | QT03629     | Hệ thống thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế |        |   | x |   |   |   |   |   |
| 37 | BC02602     | Mỹ thuật                                             |        |   | x |   |   |   |   |   |
| 38 | BC02701     | Nhập môn Truyền thông đa phương tiện                 | x      |   |   |   |   |   |   |   |
| 39 | BC03710     | Nhiếp ảnh                                            |        | x |   |   |   |   |   |   |
| 40 | BC02601     | Thiết kế web và ứng dụng                             |        |   | x |   |   |   |   |   |
| 41 | BC02603     | Thiết kế đồ họa                                      |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 42 | BC02604     | Viết cho truyền thông đa phương tiện                 |        |   |   |   | x |   |   |   |
| 43 | PT02601     | Sản xuất Audio                                       |        |   |   |   | x |   |   |   |
| 44 | PT02602     | Sản xuất Video                                       |        |   |   |   | x |   |   |   |
| 45 | BC03701     | Animation<br>(Hoạt hình)                             |        |   |   |   | x |   |   |   |
| 46 | BC03703     | Video âm nhạc (MV)                                   |        |   |   |   |   | x |   |   |

| TT | Mã học phần | Tên học phần                                       | Học kỳ |   |   |   |   |   |   |   |
|----|-------------|----------------------------------------------------|--------|---|---|---|---|---|---|---|
|    |             |                                                    | 1      | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| 47 | BC04812     | Báo chí và truyền thông dữ liệu                    |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 48 | BC02605     | Truyền thông chính sách                            |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 49 | QQ02642     | Truyền thông doanh nghiệp                          |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 50 | BC02607     | Truyền thông về giáo dục, khoa học và công nghệ    |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 51 | BC02608     | Truyền thông văn hóa - nghệ thuật                  |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 52 | PT03706     | Phim ngắn                                          |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 53 | PT03928     | Chương trình thực tế                               |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 54 | XB03929     | Xuất bản điện tử                                   |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 55 | PT03927     | Kịch bản và format trò chơi trực tuyến             |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 56 | PT03702     | Siêu phẩm số (mega-story)                          |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 57 | BC03918     | Báo chí - truyền thông đa nền tảng                 |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 58 | BC02621     | Tiếng Anh chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện |        |   |   |   |   | x |   |   |
| 59 | BC02611     | Quản trị - kinh doanh sản phẩm truyền thông số     |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 60 | BC03804     | Lao động nhà báo                                   |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 61 | BC02612     | Tổ chức và an toàn thông tin                       |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 62 | BC02610     | Bản quyền và sở hữu trí tuệ                        |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 63 | BC02614     | Quản trị truyền thông trong khủng hoảng            |        |   |   |   |   |   | x |   |
| 64 | BC02952     | Thực tế chính trị - xã hội                         |        |   |   | x |   |   |   |   |
| 65 | BC03643     | Thực tập nghiệp vụ                                 |        |   |   |   |   | x |   |   |
| 66 | BC03644     | Thực tập tốt nghiệp                                |        |   |   |   |   |   |   | x |
| 67 | BC04943     | Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp           |        |   |   |   |   |   |   | x |
| 68 | BC03704     | Nghiên cứu thị trường truyền thông                 |        |   |   |   |   |   |   | x |
| 69 | BC03705     | Biên tập sản phẩm đa phương tiện                   |        |   |   |   |   |   |   | x |

## 11. Phương pháp giảng dạy

|    |             |                                          |
|----|-------------|------------------------------------------|
| TT | Phương pháp | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) |
|----|-------------|------------------------------------------|

|   | giảng dạy                  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 |  |  |  |
|---|----------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--|--|--|
| 1 | Giảng lý thuyết            | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |  |  |  |
| 2 | Nghiên cứu trường hợp      |   |   |   |   |   |   |   |   | x | x  | x  | x  | x  |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |    | x  | x  |  |  |  |
| 3 | Đóng vai, mô phỏng         |   |   |   |   |   |   |   |   | x | x  |    | x  | x  |    | x  |    | x  | x  | x  |    |    |    |    |    |    |    |    |  |  |  |
| 4 | Thảo luận                  | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |  |  |  |
| 5 | Thuyết trình của người học |   |   |   |   |   |   |   |   | x | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |    |    |    | x  | x  | x  | x  |    |  |  |  |
| 6 | Thông qua dự án            |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |    |    |    | x  | x  | x  | x  |    |  |  |  |
| 7 | Bài tập thực hành          | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |  |  |  |
| 8 | Nghiên cứu thực tế         |   |   |   |   | x | x | x | x | x | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |  |  |  |

## 12. Phương pháp học tập

Ma trận liên kết giữa phương pháp học tập và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| TT | Phương pháp học tập | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|----|---------------------|------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
|    |                     | 1                                        | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 |
| 1  | Đọc tài liệu        | x                                        | x | x | x | x | x | x | x | x | x  | x  | x  | x  | x  | x  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| 2  | Tìm kiếm thông tin  | x                                        | x | x | x | x | x | x | x | x | x  | x  | x  | x  | x  | x  |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |    |    |    |
| 3  | Nhận xét tài liệu   | x                                        | x | x | x | x | x | x | x | x | x  | x  | x  | x  | x  | x  |    |    |    |    |    |    |    | x  | x  | x  | x  | x  |    |    |    |
| 4  | Làm việc nhóm       |                                          |   |   |   |   |   |   | x | x | x  | x  |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |    | x  | x  | x  | x  |    |    |    |
| 5  | Quan sát thực địa   |                                          |   |   |   |   |   | x | x | x | x  | x  |    |    | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  | x  |    |    |    |    |    |    |    |    |

|   |  |  |  |
|---|--|--|--|
| X |  |  |  |
|---|--|--|--|

một chữ số thập  
định tại điều 12;  
hức và cách thức  
QĐ-HVBC TT-ĐT

[illegible]

[illegible]

| TT | Tên học phần                                         | Trực tiếp |             |                       |                               |         |           |                    |                    | Trực tuyến (tối đa 30%) |             |                       |                               |         |           |             |          |
|----|------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------|-------------------------------|---------|-----------|--------------------|--------------------|-------------------------|-------------|-----------------------|-------------------------------|---------|-----------|-------------|----------|
|    |                                                      | Tự luận   | Trắc nghiệm | Tự luận + Trắc nghiệm | Tự luận, trắc nghiệm, văn đáp | Vấn đáp | Tiểu luận | Bài tập lớn/ Dự án | Sản phẩm /Tác phẩm | Tự luận                 | Trắc nghiệm | Tự luận + Trắc nghiệm | Tự luận, trắc nghiệm, văn đáp | Vấn đáp | Tiểu luận | Bài tập lớn | Tác phẩm |
|    | truyền thông                                         |           |             |                       |                               |         |           |                    |                    |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 31 | Quan hệ công chúng và quảng cáo                      |           |             |                       |                               |         |           | x                  |                    |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 32 | Quản trị báo chí - truyền thông                      |           |             |                       |                               |         |           | x                  |                    |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 33 | Tâm lý học báo chí – truyền thông                    |           |             |                       |                               |         |           | x                  |                    |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 34 | Truyền thông sáng tạo                                |           |             |                       |                               |         |           | x                  |                    |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 35 | Các loại hình báo chí                                |           |             |                       |                               |         |           | x                  |                    |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 36 | Hệ thống thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế |           |             |                       |                               |         |           | x                  |                    |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 37 | Mỹ thuật                                             |           |             |                       |                               |         |           |                    | x                  |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 38 | Nhập môn Truyền thông đa phương tiện                 |           |             |                       |                               |         |           |                    | x                  |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 39 | Nhiếp ảnh                                            |           |             |                       |                               |         |           |                    | x                  |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 40 | Thiết kế web và ứng dụng                             |           |             |                       |                               |         |           |                    | x                  |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 41 | Thiết kế đồ họa                                      |           |             |                       |                               |         |           |                    | x                  |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 42 | Viết cho truyền thông đa phương tiện                 |           |             |                       |                               |         |           |                    | x                  |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 43 | Sản xuất Audio                                       |           |             |                       |                               |         |           |                    | x                  |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 44 | Sản xuất Video                                       |           |             |                       |                               |         |           |                    | x                  |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 45 | Animation (Hoạt hình)                                |           |             |                       |                               |         |           |                    | x                  |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 46 | Video âm nhạc (MV)                                   |           |             |                       |                               |         |           |                    | x                  |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |

[illegible]

| TT | Tên học phần                             | Trực tiếp |             |                       |                               |         |           |                   |                   | Trực tuyến (tối đa 30%) |             |                       |                               |         |           |             |          |
|----|------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------|-------------------------------|---------|-----------|-------------------|-------------------|-------------------------|-------------|-----------------------|-------------------------------|---------|-----------|-------------|----------|
|    |                                          | Tự luận   | Trắc nghiệm | Tự luận + Trắc nghiệm | Tự luận, trắc nghiệm, văn đáp | Vấn đáp | Tiểu luận | Bài tập lớn/Dự án | Sản phẩm/Tác phẩm | Tự luận                 | Trắc nghiệm | Tự luận + Trắc nghiệm | Tự luận, trắc nghiệm, văn đáp | Vấn đáp | Tiểu luận | Bài tập lớn | Tác phẩm |
| 62 | Bản quyền và sở hữu trí tuệ              |           |             |                       |                               |         |           | x                 |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 63 | Quản trị truyền thông trong khủng hoảng  |           |             |                       |                               |         |           | x                 |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 64 | Thực tế chính trị - xã hội               |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                 |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 65 | Thực tập nghiệp vụ                       |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                 |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 66 | Thực tập tốt nghiệp                      |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                 |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 67 | Sản phẩm tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                 |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 68 | Nghiên cứu thị trường truyền thông       |           |             |                       |                               | x       |           |                   |                   |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |
| 69 | Biên tập sản phẩm đa phương tiện         |           |             |                       |                               |         |           |                   | x                 |                         |             |                       |                               |         |           |             |          |

#### 14. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình được áp dụng cho sinh viên từ khóa tuyển sinh năm học 2022-2023.

#### 15. Điều kiện đội ngũ

##### 15.1. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu

| TT | Họ và tên       | Năm sinh | Chuyên môn | Học hàm |     | Học vị |     |    |
|----|-----------------|----------|------------|---------|-----|--------|-----|----|
|    |                 |          |            | GS      | PGS | TS     | ThS | ĐH |
| 1  | Đỗ Thị Thu Hằng | 1969     | Báo chí    |         | x   |        |     |    |
| 2  | Nguyễn Văn Dũng | 1957     | Báo chí    |         | x   |        |     |    |
| 3  | Trương Thị Kiên | 1978     | Báo chí    |         | x   |        |     |    |

|    |                       |      |                                 |  |   |   |   |  |
|----|-----------------------|------|---------------------------------|--|---|---|---|--|
| 4  | Lê Thu Hà             | 1982 | Báo chí                         |  |   | x |   |  |
| 5  | Lê Thị Nhã            | 1966 | Báo chí                         |  |   | x |   |  |
| 6  | Vũ Huyền Nga          | 1975 | Báo chí                         |  |   | x |   |  |
| 7  | Nguyễn Thị Tuyết Minh | 1976 | Xã hội học                      |  |   | x |   |  |
| 8  | Nguyễn Thị Hằng Thu   | 1984 | Báo chí                         |  |   | x |   |  |
| 9  | Trần Quang Huy        | 1968 | Ngoại ngữ, Kinh tế<br>đôi ngoại |  |   |   | x |  |
| 10 | Lương Thị Phương Diệp | 1985 | Báo chí                         |  |   |   | x |  |
| 11 | Dương Quốc Bình       | 1986 | Truyền thông                    |  |   |   | x |  |
| 12 | Nguyễn Văn Hào        | 1986 | Đạo diễn, Báo chí               |  |   |   | x |  |
| 13 | Bùi Đức Anh Linh      | 1987 | Báo chí                         |  |   |   | x |  |
| 14 | Phạm Thị Mai Liên     | 1991 | Báo chí                         |  |   |   | x |  |
| 15 | Trần Minh Tuấn        | 1991 | Báo chí                         |  |   |   | x |  |
| 16 | Nguyễn Ngọc Oanh      | 1965 | Báo chí                         |  | x |   | x |  |
| 17 | Nguyễn Hoàng Oanh     | 1990 | Truyền thông                    |  |   |   | x |  |
| 18 | Vũ Tuấn Hà            | 1984 | Báo chí                         |  |   | x |   |  |
| 19 | Lương Đông Sơn        | 1991 | Báo chí                         |  |   |   | x |  |
| 20 | Nguyễn Thị Thu        | 1990 | Báo chí                         |  |   |   | x |  |

### 15.2. Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

| TT | Họ và tên        | Năm sinh | Chuyên môn | Học hàm |     | Học vị |     |    |
|----|------------------|----------|------------|---------|-----|--------|-----|----|
|    |                  |          |            | GS      | PGS | TS     | ThS | ĐH |
| 1  | Nguyễn Thành Lợi | 1974     | Báo chí    |         | X   |        |     |    |

|    |                  |      |                     |  |  |   |   |  |
|----|------------------|------|---------------------|--|--|---|---|--|
| 2  | Nguyễn Quang Hoà | 1959 | Báo chí             |  |  | x |   |  |
| 3  | Trần Quang Diệu  | 1978 | Công nghệ thông tin |  |  | x |   |  |
| 4  | Ngô Hồng Hạnh    | 1975 | Báo chí             |  |  |   | x |  |
| 5  | Nguyễn Đồng Anh  | 1987 | Truyền thông        |  |  |   | x |  |
| 6  | Trần Lệ Thuỳ     | 1975 | Báo chí             |  |  |   | x |  |
| 7  | Vũ Thế Cường     | 1978 | Truyền thông        |  |  |   | x |  |
| 8  | Nguyễn Tri Thức  | 1975 | Báo chí             |  |  | x |   |  |
| 9  | Đỗ Anh Đức       | 1978 | Truyền thông        |  |  | x |   |  |
| 10 | Vũ Văn Luật      | 1976 | Quản trị kinh doanh |  |  | x |   |  |

## 16. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ CTĐT

### 16.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy....

*Thông kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị (dành cho các ngành khối nghiệp vụ)*

| TT | Tên                                    | Các trang thiết bị chính                                                                      | Số lượng |
|----|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1  | Phòng thực hành Ảnh báo chí            | - Máy ảnh Canon EOS D1200.<br>- Máy ảnh Nikon D800.<br>- Máy tính bàn DELL.<br>- Đèn chụp ảnh | 1        |
| 2  | Phòng thực hành Xuất bản báo in        | - Máy tính bàn.<br>- Máy chủ DELL.<br>- Máy in.<br>- Máy chiếu.<br>- Âm thanh.                | 1        |
| 3  | Phòng thực hành Báo chí – Truyền thông | - Máy tính bàn.                                                                               | 2        |

|   |                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |   |
|---|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|
|   |                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy in khổ A3.</li> <li>- Máy chiếu.</li> <li>- Âm thanh.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                  |   |
| 4 | Phòng thực hành Phát thanh - Thu thanh     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ trộn tín hiệu.</li> <li>- Micro.</li> <li>- Loa kiểm âm.</li> <li>- Máy ghi âm KTS.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                     | 1 |
| 5 | Phòng thực hành quay phim                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy quay phim.</li> <li>- Bộ bàn trộn hình Full HD.</li> <li>- Bộ ghi hình Full HD.</li> <li>- Mixer Audio Soundcraft.</li> <li>- Mixer Video SONY.</li> <li>- Tivi</li> <li>- Cầu (Boom Camera).</li> <li>- Ray (Doll Camera).</li> <li>- Bàn ghế trường quay.</li> <li>- Đèn trường quay</li> </ul> | 1 |
| 6 | Phòng thực hành quay phim (Trường quay ảo) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy quay HD HXC-FB75KC.</li> <li>- Bộ điều khiển máy quay HXCU-FB70.</li> <li>- Hệ thống nhắc lời QPRO17.</li> <li>- Hệ thống bàn trộn hình HVS-110.</li> <li>- Hệ thống chuyển mạch tín hiệu 1616HD-3G.</li> <li>- Hệ thống kiểm tra tín hiệu Video (Tivi KD-43X8000E).</li> </ul>                   | 1 |

|    |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |   |
|----|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|
|    |                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống trường quay ảo 3D thời gian thực.</li> <li>- Hệ thống phát file.</li> <li>- Hệ thống streaming, quản lý khai thác tư liệu video, truyền hình hội tụ.</li> <li>- Hệ thống thu ghi tín hiệu.</li> <li>- Thiết bị thu/phát tín hiệu.</li> <li>- Hệ thống xử lý tín hiệu và tạo xung đồng bộ.</li> <li>- Hệ thống thiết bị intercom và audio.</li> <li>- Hệ thống ánh sáng trường quay.</li> <li>- Bàn ghế sofa dùng cho talkshow .</li> </ul> |   |
| 7  | Phòng thực hành dựng hình.          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy quay XDCAM HD422.</li> <li>- Máy tính bàn.</li> <li>- Máy chiếu.</li> <li>- Máy in khổ A3.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1 |
| 8  | Phòng thực hành học Ngoại ngữ (LAB) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy tính bàn.</li> <li>- Máy chiếu.</li> <li>- Tai nghe.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4 |
| 9  | Phòng thực hành Xuất bản            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy tính bàn.</li> <li>- Máy chiếu.</li> <li>- Máy Scan.</li> <li>- Máy Phôtô.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1 |
| 10 | Phòng thực hành Báo mạng điện tử    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy tính bàn.</li> <li>- Máy chiếu.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1 |

|    |                         |                                 |   |
|----|-------------------------|---------------------------------|---|
|    |                         | - Tai nghe.                     |   |
| 11 | Phòng thực hành tin học | - Máy tính bàn.<br>- Máy chiếu. | 4 |

*Thông kê phòng học*

| TT        | Loại phòng                                                                                                                    | Số lượng   | Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> ) |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------------------------|
| <b>1</b>  | <b>Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu</b> | <b>251</b> | <b>18.024</b>                            |
| 1.1.      | Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ                                                                                        | 01         | 1.450                                    |
| 1.2.      | Phòng học từ 100 - 200 chỗ                                                                                                    | 10         | 1.317                                    |
| 1.3.      | Phòng học từ 50 - 100 chỗ                                                                                                     | 57         | 3.990                                    |
| 1.4.      | Số phòng học dưới 50 chỗ                                                                                                      | 29         | 1.362                                    |
| 1.5.      | Số phòng học đa phương tiện                                                                                                   | 01         | 100                                      |
| 1.6.      | Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu                                                                    | 153        | 9.805                                    |
| <b>2</b>  | <b>Thư viện, trung tâm học liệu</b>                                                                                           | <b>6</b>   | <b>3.914</b>                             |
| <b>3</b>  | <b>Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập</b>                              | <b>17</b>  | <b>3.709</b>                             |
| <b>4</b>  | <b>Nhà để xe</b>                                                                                                              | <b>02</b>  | <b>404</b>                               |
| <b>5</b>  | <b>Nhà Y tế</b>                                                                                                               | <b>02</b>  | <b>120</b>                               |
| <b>6</b>  | <b>Nhà ở KTX (phòng)</b>                                                                                                      | <b>453</b> | <b>23.723</b>                            |
| <b>7</b>  | <b>Khu thể thao</b>                                                                                                           | <b>3</b>   | <b>6.039</b>                             |
| <b>8</b>  | <b>Khu dịch vụ</b>                                                                                                            | <b>4</b>   | <b>3.392</b>                             |
| <b>9</b>  | <b>Phòng chờ GV</b>                                                                                                           | <b>10</b>  | <b>350</b>                               |
| <b>10</b> | <b>Khu WC</b>                                                                                                                 | <b>10</b>  | <b>420</b>                               |
|           | <b>Tổng</b>                                                                                                                   |            | <b>60.095</b>                            |

*16.2. Thông kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện*

| TT | Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành | Số lượng                                                         |
|----|-------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 1. | Khối ngành VII                | 29.529 đầu sách, trong đó: 6.023 tài liệu số; 23.506 tài liệu in |

**16.3. Thống kê giáo trình, bài giảng**

| TT | Phân loại          | Số lượng | Ghi chú                |
|----|--------------------|----------|------------------------|
| 1  | Giáo trình in sách | 3        | Chỉ thống kê của ngành |
| 2  | Giáo trình nội bộ  | 5        | Chỉ thống kê của ngành |
| 3  | Sách chuyên khảo   | 6        | Chỉ thống kê của ngành |
| 4  | Sách tham khảo     | 48       | Chỉ thống kê của ngành |
| 5  | Đề cương bài giảng | 31       | Chỉ thống kê của ngành |

**17. Bản đối sánh giữa các phiên bản của CTĐT (phiên bản được ban hành trước đó và phiên bản hiện tại)**

|    |                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                       |                                                                                      |
|----|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| TT | <b>Tiêu chí</b><br>(theo<br>Thông tư<br>08/2011-<br>TT-<br>BGDDT) | <b>Chương trình đào tạo chuyên ngành Phát triển và ứng dụng TTĐPT của Học viện Báo chí và Tuyên truyền</b><br><i>(Ban hành theo Quyết định số 4982-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)</i> | <b>Chương trình đào tạo chuyên ngành Sản phẩm TTĐPT của Học viện Báo chí và Tuyên truyền</b><br><i>(Ban hành theo Quyết định số 4983-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)</i> | <b>Chương trình dự thảo đào tạo ngành TTĐPT (không phân chuyên ngành) cho khoá 42</b> | <b>Ghi chú</b><br>(Giống/khác nhau, lý giải nguyên nhân, căn cứ của việc điều chỉnh) |
|----|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|

|   |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                            |
|---|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Mục tiêu chung  | Đào tạo cử nhân ngành Truyền thông đa phương tiện có khả năng sáng tạo và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện; hiểu và ứng dụng lý thuyết, kỹ năng truyền thông đa phương tiện trong truyền thông xã hội, quản trị website, tổ chức thực hiện các chương trình, chiến dịch truyền thông, các dự án phát triển truyền thông đa phương tiện ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; phát triển và ứng dụng truyền thông đa phương tiện trong các cơ quan, tổ chức báo chí, truyền thông. | Đào tạo cử nhân ngành Truyền thông đa phương tiện có khả năng sáng tạo và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện; hiểu và ứng dụng lý thuyết, kỹ năng truyền thông đa phương tiện trong truyền thông xã hội, quản trị website, tổ chức thực hiện các chương trình, chiến dịch truyền thông, các dự án phát triển truyền thông đa phương tiện ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. | Đào tạo cử nhân ngành Truyền thông đa phương tiện hiểu, vận dụng quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống lành mạnh; có khả năng sáng tạo và tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện; phát triển và ứng dụng truyền thông đa phương tiện trong truyền thông xã hội, quản trị website, tổ chức thực hiện các chương trình, chiến dịch truyền thông, các dự án phát triển truyền thông đa phương tiện ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ. | Bổ sung tổng quát hơn; Mục tiêu tập trung vào nguồn nhân lực đáp ứng tốt hơn và phù hợp hơn với nhu cầu thực tiễn; Chỉ đào tạo theo ngành, không đào tạo theo chuyên ngành |
|   | Mục tiêu cụ thể | <i>Về kiến thức</i><br>- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam liên quan đến ngành học, về quốc phòng an                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <i>Về kiến thức</i><br>- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam liên quan đến ngành học, về quốc phòng an                                                                                                                                                                                                                                   | <i>Về kiến thức</i><br>- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam liên quan đến ngành học, về quốc phòng an ninh; có kiến thức và                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Kiến thức tổng hợp, thực tiễn cao hơn                                                                                                                                      |

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |
|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  | <p>ninh; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với chuyên ngành phát triển và ứng dụng truyền thông đa phương tiện;</li> <li>- Có kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn truyền thông đa phương tiện của Việt Nam và thế giới;</li> <li>- Có kiến thức chuyên sâu về quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm và phát triển và ứng dụng truyền thông đa phương tiện;</li> <li>- Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện.</li> </ul> | <p>ninh; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với chuyên ngành Sản phẩm truyền thông đa phương tiện;</li> <li>- Có kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn truyền thông đa phương tiện của Việt Nam và thế giới;</li> <li>- Có kiến thức chuyên sâu về quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện;</li> <li>- Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện.</li> </ul> | <p>khả năng tự rèn luyện về thể chất;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với ngành Truyền thông đa phương tiện;</li> <li>- Có kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn truyền thông đa phương tiện của Việt Nam và thế giới;</li> <li>- Có kiến thức chuyên sâu về quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện;</li> <li>- Có kiến thức chuyên sâu về quy trình và phương pháp phát triển, ứng dụng sản phẩm truyền thông đa phương tiện;</li> <li>- Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện.</li> </ul> |  |
|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                       |
|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p><i>Về kỹ năng</i></p> <p>* Kỹ năng cứng</p> <p>- Kỹ năng sáng tạo nội dung truyền thông đa phương tiện: Kỹ năng nhận diện, phân tích và đánh giá tiêu chuẩn sản phẩm, các dòng sản phẩm truyền thông đa phương tiện trên cơ sở các tiêu chí được học; Kỹ năng thực hành, sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông đa phương tiện: xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản truyền thông, thiết kế thông điệp và hình ảnh, thiết kế ứng dụng, chụp ảnh, quay phim, dựng phim, biên tập tác phẩm và sản phẩm truyền thông đa phương tiện...</p> <p>- Kỹ năng tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện: Kỹ năng thực hiện, tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông như trò</p> | <p><i>Về kỹ năng</i></p> <p>* Kỹ năng cứng</p> <p>- Kỹ năng sáng tạo nội dung truyền thông đa phương tiện: Kỹ năng nhận diện, phân tích và đánh giá tiêu chuẩn sản phẩm, các dòng sản phẩm truyền thông đa phương tiện trên cơ sở các tiêu chí được học; Kỹ năng thực hành, sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông đa phương tiện: xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản truyền thông, thiết kế thông điệp và hình ảnh, thiết kế ứng dụng, chụp ảnh, quay phim, dựng phim, biên tập tác phẩm và sản phẩm truyền thông đa phương tiện...</p> <p>- Kỹ năng tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện: Kỹ năng thực hiện, tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông như nhiếp</p> | <p><i>Về kỹ năng</i></p> <p>* Kỹ năng cứng</p> <p>- Kỹ năng sáng tạo nội dung truyền thông đa phương tiện: Kỹ năng nhận diện, phân tích và đánh giá tiêu chuẩn sản phẩm, các dòng sản phẩm truyền thông đa phương tiện trên cơ sở các tiêu chí được học; Kỹ năng thực hành, sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông đa phương tiện: xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản truyền thông, thiết kế thông điệp và hình ảnh, thiết kế ứng dụng, chụp ảnh, quay phim, dựng phim, biên tập tác phẩm và sản phẩm truyền thông đa phương tiện...</p> <p>- Kỹ năng tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện: Kỹ năng thực hiện, tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông như nhiếp ảnh, phim ngắn, video âm nhạc, các loại hình truyền</p> | <p>Kỹ năng có định hướng tổng hợp, thực tiễn cao hơn; Chú trọng nhiều kỹ năng hơn, đặc biệt là kỹ năng đề nâng cao năng lực cho nguồn nhân lực sau khi tốt nghiệp</p> |
|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>chơi, chương trình thực tế, báo chí truyền thông và dữ liệu, báo chí truyền thông đa nền tảng và các kỹ thuật truyền thông số; Kỹ năng điều hành hoạt động sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện trong doanh nghiệp truyền thông và cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác, khách hàng của doanh nghiệp truyền thông.</p> <p>* Kỹ năng mềm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm;</li> <li>- Có kỹ năng tổng hợp, phân tích, xử lý tình huống, quản lý và lãnh đạo trong hoạt động truyền thông;</li> <li>- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.</li> </ul> | <p>ảnh, phim ngắn, video âm nhạc, các loại hình truyền thông mới như megastory, đồ hoạ 2D, 3D, animations và các kỹ thuật truyền thông số; Kỹ năng điều hành hoạt động sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện trong doanh nghiệp truyền thông và cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác, khách hàng của doanh nghiệp truyền thông.</p> <p>* Kỹ năng mềm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm;</li> <li>- Có kỹ năng tổng hợp, phân tích, xử lý tình huống, quản lý và lãnh đạo trong hoạt động truyền thông;</li> <li>- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.</li> </ul> | <p>thông mới như megastory, đồ hoạ 2D, 3D, animations và các kỹ thuật truyền thông số; Kỹ năng điều hành hoạt động sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện trong doanh nghiệp truyền thông và cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là đối tác, khách hàng của doanh nghiệp truyền thông.</p> <p>- Kỹ năng phát triển và ứng dụng truyền thông đa phương tiện: Kỹ năng ứng dụng, điều hành trong kinh doanh, có kế hoạch, giải pháp cho sản phẩm truyền thông đa phương tiện; Kỹ năng ứng dụng sản phẩm cho quảng bá thương hiệu, phát triển truyền thông chính trị,...; Kỹ năng phát triển những sản phẩm, dòng sản phẩm mới của ngành công nghiệp truyền thông để khởi nghiệp, góp phần thúc đẩy ngành công nghiệp truyền thông phát triển; Kỹ năng ứng dụng kiến</p> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|  |  |                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |            |
|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|  |  |                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                               | <p>thức để xây dựng mô hình truyền thông đa phương tiện mới; Kỹ năng đánh giá, kết nối, xây dựng, phát triển chiến dịch truyền thông và dự án truyền thông đa phương tiện.</p> <p>* Kỹ năng mềm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm;</li> <li>- Có kỹ năng tổng hợp, phân tích, xử lý tình huống, quản lý và lãnh đạo trong hoạt động truyền thông;</li> <li>- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn.</li> </ul> |            |
|  |  | <p><i>Về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và</li> </ul> | <p><i>Về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và</li> </ul> | <p><i>Về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Giống nhau |

|                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                   |
|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|                                | <p>trách nhiệm với nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành truyền thông.</li> <li>- Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.</li> <li>- Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.</li> <li>- Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.</li> </ul> | <p>trách nhiệm với nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành truyền thông.</li> <li>- Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.</li> <li>- Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.</li> <li>- Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.</li> </ul> | <p>nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành truyền thông.</li> <li>- Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.</li> <li>- Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.</li> <li>- Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.</li> </ul> |                                                                                   |
| Vị trí việc làm sau tốt nghiệp | <p>Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại các cơ quan quản lý báo chí - truyền thông: Các cơ quan tuyên giáo của các cấp ủy Đảng, các cơ quan quản lý của nhà nước về báo chí, truyền</li> </ul>                                                                                                                                                  | <p>Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại các cơ quan quản lý báo chí - truyền thông: Các cơ quan tuyên giáo của các cấp ủy Đảng, các cơ quan quản lý của nhà nước về báo chí, truyền</li> </ul>                                                                                                                                                  | <p>Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại các cơ quan báo chí - truyền thông: Các cơ quan tuyên giáo của các cấp ủy Đảng, các cơ quan quản lý của nhà nước về báo chí, truyền thông ở trung ương và</li> </ul>                                                                                                                    | Mở rộng nhiều vị trí, cơ hội việc làm hơn cho học viên, nhất là trong ngành TTĐPT |

thông ở trung ương và các địa phương;

- Tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực như: thiết kế, quảng cáo, điện ảnh, các cơ quan báo chí, phát thanh – truyền hình, viễn thông, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin- truyền thông, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Truyền thông số Việt Nam, các công ty quan hệ công chúng (PR) và quảng cáo, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh sản phẩm truyền thông số, phát triển ứng dụng truyền thông đa phương tiện ở mọi lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, văn hoá, công nghệ, giáo dục, giải trí...

- Tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, tập huấn liên

thông ở trung ương và các địa phương

- Tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực như: thiết kế, quảng cáo, điện ảnh, các cơ quan báo chí, phát thanh – truyền hình, viễn thông, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin- truyền thông, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Truyền thông số Việt Nam, các công ty quan hệ công chúng (PR) và quảng cáo, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh sản phẩm truyền thông số, phát triển ứng dụng truyền thông đa phương tiện ở mọi lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, văn hoá, công nghệ, giáo dục, giải trí...

- Tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, tập huấn liên quan đến truyền thông đa phương tiện.

các địa phương

- Tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực như: thiết kế, quảng cáo, điện ảnh, các cơ quan báo chí, phát thanh – truyền hình, các công ty quan hệ công chúng (PR) và quảng cáo, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh sản phẩm truyền thông số, phát triển ứng dụng truyền thông đa phương tiện ở mọi lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, văn hoá, công nghệ, giáo dục, giải trí...

- Tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng liên quan đến truyền thông đa phương tiện.

*\* Các vị trí công việc có thể đảm nhiệm*

- Các vị trí chuyên môn trong sản xuất và kinh doanh sản phẩm truyền thông đa phương

quan đến truyền thông đa phương tiện.

*\* Các vị trí công việc có thể đảm nhiệm*

- Các vị trí chuyên môn trong sản xuất và kinh doanh sản phẩm truyền thông đa phương tiện (giám đốc sản xuất, giám đốc sáng tạo, đạo diễn, biên kịch, biên tập viên, dẫn chương trình, sản xuất và kinh doanh bản quyền format sản phẩm truyền thông đa phương tiện, giám đốc kinh doanh, giám đốc marketing tại các công ty kinh doanh sản phẩm truyền thông số...).

- Chuyên viên quảng cáo, chuyên viên marketing, chuyên viên quan hệ công chúng, chuyên viên truyền thông xã hội, chuyên viên quản trị thương hiệu, quản trị truyền

*\* Các vị trí công việc có thể đảm nhiệm*

- Các vị trí chuyên môn trong sản xuất và kinh doanh sản phẩm truyền thông đa phương tiện (giám đốc sản xuất, giám đốc sáng tạo, đạo diễn, biên kịch, biên tập viên, dẫn chương trình, sản xuất và kinh doanh bản quyền format sản phẩm truyền thông đa phương tiện, giám đốc kinh doanh, giám đốc marketing tại các công ty kinh doanh sản phẩm truyền thông số...).

- Chuyên viên quảng cáo, chuyên viên marketing, chuyên viên quan hệ công chúng, chuyên viên truyền thông xã hội, chuyên viên quản trị thương hiệu, quản trị truyền thông trong khủng hoảng, quản lý hình ảnh;

tiện (đạo diễn, biên kịch, biên tập viên, dẫn chương trình, sản xuất và kinh doanh bản quyền format sản phẩm truyền thông đa phương tiện, giám đốc kinh doanh, giám đốc marketing tại các công ty kinh doanh sản phẩm truyền thông số...).

- Chuyên viên quảng cáo, chuyên viên marketing, chuyên viên quan hệ công chúng, chuyên viên truyền thông xã hội, chuyên viên quản trị thương hiệu, quản trị truyền thông trong khủng hoảng, quản lý hình ảnh;

- Nhà tư vấn tổ chức sản xuất sản phẩm và quản lý hoạt động truyền thông đa phương tiện;

- Chuyên viên quản trị Công thông tin điện tử, quản trị website của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp;

- Chuyên viên quản lý

thông trong khủng hoảng, quản lý hình ảnh;

- Nhà tư vấn tổ chức sản xuất sản phẩm và quản lý hoạt động truyền thông đa phương tiện;

- Chuyên viên quản trị Cổng thông tin điện tử, quản trị website của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp;

- Chuyên viên quản lý chương trình, chiến dịch truyền thông, quản lý và phát triển dự án truyền thông đa phương tiện...

- Khởi nghiệp và làm chủ doanh nghiệp chuyên sản xuất, kinh doanh sản phẩm truyền thông đa phương tiện như như trò chơi, chương trình thực tế, báo chí truyền thông và dữ liệu, báo chí truyền thông đa nền tảng;

- Nhà tư vấn tổ chức sản xuất sản phẩm và quản lý hoạt động truyền thông đa phương tiện;

- Chuyên viên quản trị Cổng thông tin điện tử, quản trị website của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp;

- Chuyên viên quản lý chương trình, chiến dịch truyền thông, quản lý và phát triển dự án truyền thông đa phương tiện...

- Khởi nghiệp và làm chủ doanh nghiệp chuyên sản xuất, kinh doanh sản phẩm truyền thông đa phương tiện;

- Ngoài ra, người học sau tốt nghiệp có thể là nguồn đào tạo cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực truyền thông đa phương tiện tại các cơ quan nghiên cứu và các cơ sở đào tạo.

chương trình, chiến dịch truyền thông, quản lý và phát triển dự án truyền thông đa phương tiện...

- Khởi nghiệp và làm chủ doanh nghiệp chuyên sản xuất, kinh doanh sản phẩm truyền thông đa phương tiện;

- Ngoài ra, người học sau tốt nghiệp có thể là nguồn đào tạo cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực truyền thông đa phương tiện tại các cơ quan nghiên cứu và các cơ sở đào tạo.

|   |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                   |
|---|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
|   |                      | - Ngoài ra, người học sau tốt nghiệp có thể là nguồn đào tạo cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực truyền thông đa phương tiện tại các cơ quan nghiên cứu và các cơ sở đào tạo.                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                   |
|   | - Trình độ ngoại ngữ | Người học khi tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ trình độ tiếng Anh/tiếng Trung bậc 4/6 trở lên, hoặc các chứng chỉ tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). | Người học khi tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ trình độ tiếng Anh/tiếng Trung bậc 4/6 trở lên, hoặc các chứng chỉ tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). | Người học khi tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ trình độ tiếng Anh/tiếng Trung bậc 4/6 trở lên, hoặc các chứng chỉ tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). | Giống nhau                        |
| 2 | Chuẩn đầu ra         | 32 chuẩn đầu ra                                                                                                                                                                                                                                                                      | 32 chuẩn đầu ra                                                                                                                                                                                                                                                                      | 27 chuẩn đầu ra                                                                                                                                                                                                                                                                      | Viết gọn, mang tính tổng quát hơn |
| 3 | Thời gian đào        | 4 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4 năm<br>Tuỳ theo năng lực và điều kiện cụ                                                                                                                                                                                                                                           | Giống nhau                        |

|   |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |            |
|---|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|   | tạo                                     | Tuỳ theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình. | Tuỳ theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình. | thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình. |            |
| 4 | Khối lượng kiến thức toàn khóa          | 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh).                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh).                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh).                                                                                                                                                                                                                                                          | Giống nhau |
| 5 | Chuẩn đầu vào                           | Viết với dạng tiêu chí tuyển sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Viết với dạng tiêu chí tuyển sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Sửa thành chuẩn đầu vào                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |            |
| 6 | Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp | Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban                                                                                                                                                                                                                                                  | Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban                                                                                                                                                                                                                                                  | Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm                                                                                                                                                                                                       | Giống nhau |

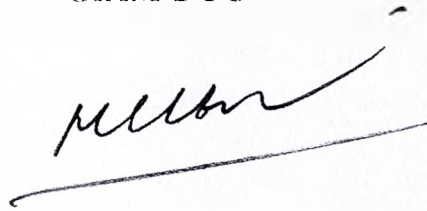
|   |                                              |                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                         |  |
|---|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                              | hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-DT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.<br>Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên. | hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-DT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.<br>Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên. | theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-DT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.<br>Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.                  |  |
| 7 | Ma trận liên kết giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra | Có                                                                                                                                                                                                              | Có                                                                                                                                                                                                              | Cập nhật, điều chỉnh                                                                                                                                                                                                    |  |
| 8 | Sơ đồ cây chương trình đào tạo               | Chưa có                                                                                                                                                                                                         | Chưa có                                                                                                                                                                                                         | Bổ sung                                                                                                                                                                                                                 |  |
| 9 | Nội dung chương trình                        | - Chương trình toàn khóa: 130 tín chỉ                                                                                                                                                                           | - Chương trình toàn khóa: 130 tín chỉ                                                                                                                                                                           | - Điều chỉnh một số môn cơ sở ngành và ngành, không có các môn chuyên ngành. Các môn của chương trình mới lựa chọn những môn hay nhất, phù hợp nhất ở hai chương trình cũ; đồng thời bổ sung thêm học phần từ ngành Báo |  |

|    |                     |         |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |
|----|---------------------|---------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |                     |         |         | <p>chỉ là Lao động nhà báo; điều chỉnh về số tín chỉ một môn phù hợp hơn.</p> <p>- Phân bổ cụ thể số giờ tín chỉ lý thuyết, thực hành, tự học, các tiết học lý thuyết trực tiếp, trực tuyến, thực hành tại phòng học lý thuyết, thực hành trực tuyến, thực hành tại thực địa, thực hành tại phòng thực hành, tự học có hướng dẫn, có kiểm tra, đánh giá của giảng viên.</p> |  |
| 10 | Kế hoạch giảng dạy  | Có      | Có      | Có, điều chỉnh phù hợp chương trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |
| 11 | Phương pháp học tập | Chưa có | Chưa có | Bổ sung, thiết lập ma trận liên kết giữa phương pháp học tập và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |
| 12 | Hình thức đánh giá  |         |         | Bổ sung hình thức đánh giá trực tuyến, thiết lập ma trận liên kết giữa phương pháp kiểm tra, đánh giá theo các hình thức trực tiếp, trực tuyến với từng học phần                                                                                                                                                                                                            |  |

|    |                                             |         |         |                                                                                                                                                          |
|----|---------------------------------------------|---------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 13 | Hướng dẫn thực hiện chương trình            | Có      | Có      | Có, điều chỉnh theo yêu cầu của chương trình mới                                                                                                         |
| 14 | Điều kiện đội ngũ                           | Chưa có | Chưa có | Bổ sung, cập nhật đội ngũ giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng                                                                                    |
| 15 | Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ CTĐT | Có      | Có      | Có, bổ sung dữ liệu gồm Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, thống kê về học liệu có trong Thư viện, thống kê giáo trình, bài giảng. |

## II. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ( đính kèm)

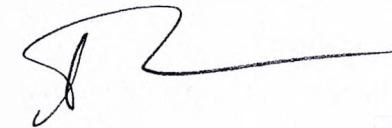
GIÁM ĐỐC



TRƯỞNG BAN  
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO



P. VIỆN TRƯỞNG

  
 Lê Văn Thái